

Số: 233/KH-LNHT

Vân Canh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Bảo vệ hành lang ven suối, khu vực khoanh nuôi và giảm thiểu xói mòn năm 2023

Thực hiện kế hoạch quản lý rừng bền vững Công ty TNHH LN Hà Thanh xây dựng kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối, diện tích khoanh nuôi, giám sát xói mòn năm 2023.

I. Hành lang ven suối

1. Hiện trạng hành lang ven suối và khoanh nuôi bảo vệ khu vực chứng chỉ rừng năm 2023.

TT	Vị trí			Tổng diện tích	Diện tích bảo vệ, khoanh nuôi	Diện tích hành lang nguồn nước	Ghi chú
	Xã	Tiểu Khu	Khoảnh				
1.	Trạm QLBR Canh Liên			37,2	34,43	2,77	
	Canh Liên	346A	4	1,56	1,56	0	
	Canh Liên	346A	6	3,49	3,49	0	
	Canh Liên	348	8	1,96	1,96	0	
	Canh Liên	360	1	1,32	1,3	0,02	
	Canh Liên	361	1	26,55	23,8	2,75	
	Canh Liên	361	4	0,23	0,23	0	
	Canh Liên	361	5	2,09	2,09	0	
2.	Trạm QLBR Hà Đế			219,87	193,17	26,7	
	Canh Liên	359A	2	33,71	33,71	0	
	Canh Liên	359A	6	68,31	63,11	5,2	
	Canh Liên	359B	3	0,18	0,18		
	Canh Liên	359B	4	25,86	21,24	4,62	
	Canh Liên	359B	5	16,48	12,64	3,84	
	Canh Liên	359B	6	7,81	6,84	0,97	
	Canh Liên	368	2	19,84	19,84	0	
	Canh Liên	368	6	3,78	3,7	0,08	

TT	Vị trí			Tổng diện tích	Diện tích bảo vệ, khoanh nuôi	Diện tích hành lang nguồn nước	Ghi chú
	Xã	Tiểu Khu	Khoảnh				
	Canh Liên	372	2	5,8	5,8	0	
	Canh Liên	372	3	17,49	17,49	0	
	Canh Liên	372	5	13,14	5,57	7,57	
	Canh Liên	372	8	0,21	0,21	0	
	Canh Liên	378	1	7,26	2,84	4,42	
3.	<i>Trạm QL BVR Cà Te</i>			35,4	31,74	3,66	
	Canh Liên	373	1	1,33	1,33	0	
	Canh Liên	373	8	1,33	0,57	0,76	
	Canh Liên	373	9	13,05	13,05	0	
	Canh Liên	373	7a	12,21	10,19	2,02	
	Canh Thuận	377A	2	0,2	0,2	0	
	Canh Liên	379	1	4,09	3,45	0,64	
	Canh Liên	379	2	3,19	2,95	0,24	
			Tổng	292,47	259,34	33,13	

2. Kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối năm năm 2023

2.1. Bảo vệ hành lang ven suối và diện tích khoanh nuôi

Trong năm 2023 thực hiện việc bảo vệ dọc hành lang ven suối, cấm biển báo khu vực hành lang cần bảo vệ (tuyên truyền người dân nhận biết khu vực cần bảo vệ) và tiếp tục các biện pháp bảo vệ khu vực khoanh nuôi.

2.2.1 Mục đích

- Đảm bảo duy trì và bảo vệ tốt 33,13 ha hành lang ven suối được xây dựng và diện tích khoanh nuôi, bảo vệ diện tích 259,34 ha;
- Nhằm bảo vệ được những diện tích ở khu vực ven suối, khe, hồ, đập...;
- Đảm bảo giữ nước, bảo vệ đất phòng chống xói mòn rửa trôi;
- Đảm bảo cảnh quan trong khu vực;
- Đảm bảo chỗ trú ngụ cho động thực vật, an toàn đa dạng sinh học, bảo tồn động thực vật;
- Đảm bảo quản lý rừng lâu dài bền vững.

2.2.2. Yêu cầu

- Bảo vệ được nguồn nước, ven sông, ven suối, phòng chống xói mòn
- Có tác dụng như các đường băng xanh để phòng chống cháy rừng

- Những vị trí có thực bì đảm bảo khoanh nuôi bảo vệ phát triển thành rừng. Những vị trí hiện tại không có thảm thực bì che phủ cần tiến hành trồng cây bản địa dọc hành lang ven suối nhằm bảo vệ hành lang ven suối tránh xói mòn. Trong quá trình trồng cần tuân thủ đảm bảo về quy trình kỹ thuật cũng như an toàn lao động.

3. Nội dung kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối và diện tích khoanh nuôi

3.1. Tuyên truyền, giáo dục

Tuyên truyền, phổ biến kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối tới toàn thể cán bộ, công nhân viên của công ty.

Tuyên truyền rộng rãi về chức năng của khe suối và đa dạng sinh học và vai trò của hành lang bảo vệ tới toàn thể nhân dân trong vùng, các cấp chính quyền địa phương với mục tiêu mọi người dân đều nâng cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mà chính họ là người sử dụng; từ đó hộ dân tự nguyện tham gia bảo vệ, không tự ý chặt phá cây trong hành lang bảo vệ sông, khe, rạch và đa dạng sinh học.

- Tập huấn cho toàn bộ cán bộ công ty về việc xác định khu vực xói mòn trong lô trồng rừng, xói mòn dọc hành lang ven suối và xói mòn đường vận xuất, vận chuyển

3.2. Xây dựng các văn bản bảo vệ hành lang, ven suối

- Thực hiện tốt Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Bộ TNMT về Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

- Thực hiện tốt Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về việc quy định quản lý rừng bền vững quy định:

+ Sông, suối cấp 1 (bề rộng trên 20m): hành lang bảo vệ mỗi bên 30m;

+ Sông, suối cấp 2 (bề rộng từ 10 ÷ 20m): hành lang bảo vệ mỗi bên 20m;

+ Sông, suối cấp 3 (bề rộng từ 5 ÷ 10m): hành lang bảo vệ mỗi bên 10m;

+ Khoảng cách đến hồ chứa nước: 100m.

+ Khe cạn, rãnh nước: hành lang bảo vệ mỗi bên 3-5m

- Trong nội bộ Công ty: Xây dựng các quy định nội bộ về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đa dạng sinh học thể hiện cụ thể trong quy chế quản lý sử dụng đất đai, quản lý bảo vệ rừng, quản lý bền vững và khai thác;

- Giao cho các trạm, chốt QLBR theo dõi, quản lý và bảo vệ diện tích hành lang ven suối và diện tích khoanh nuôi bảo vệ.

3.3. Phối hợp với địa phương:

- Phối hợp với chính quyền địa phương các xã trong địa bàn triển khai các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ hành lang ven suối; thường xuyên tiến hành tuần tra các khu vực dễ bị xâm hại, xử lý nghiêm minh các trường hợp cố tình vi phạm;

- Công ty sẽ tiến hành thực hiện bảo vệ các diện tích hành lang ven suối. Đặc biệt chú trọng đến các diện tích vùng ven suối có khả năng dễ bị tác động, ảnh hưởng. Tiến hành kế hoạch bảo vệ từ hàng năm. Trong quá trình thực hiện kế hoạch bảo vệ vẫn duy trì công tác giám sát thường xuyên trên toàn bộ diện Công ty;

- Công ty giữ thực hiện duy trì, bảo vệ hiện trạng các khu vực hành lang ven suối như giữ lớp thảm thực bì, cây bụi, cây bản địa dọc hành lang ven suối;
- Giám sát chặt chẽ việc chăn thả gia súc, rác thải quanh khu vực hành lang, khu vực khoanh nuôi bảo vệ, khu vực có khả năng xói mòn;
- Diện tích khoanh nuôi bảo vệ với các biện pháp lâm sinh như bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng, phát dọn dây leo, cây bụi, chặt bỏ cây sâu bệnh;

II. Xói mòn

1. Hiện trạng xói mòn

Hiện trạng xói mòn của Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh năm 2023

Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Tình trạng xói mòn trong lô	Vị trí		
					Tọa độ (VN 2000)		
					X	Y	
Canh Liên	360	1	e	XMN-IAH	570,187	1,509,509	
Canh Liên	361	2	a	XM	570,891	1,510,878	
Canh Liên			a	XMN-IAH	571,021	1,510,684	
Canh Liên			a	XMN-IAH	570,614	1,510,625	
Canh Liên		1	a	XMN-IAH	570,624	1,510,017	
Canh Liên		8	α	XMN-IAH	572,237	1,507,390	
Canh Liên		372	4	b	XM-SL	566,683	1,501,252
Canh Liên	4		b	XM-SL	566,384	1,500,947	
Canh Liên	4		c	XMN	566,539	1,501,226	
Canh Liên	4		a	XM-SL	566,603	1,500,762	
Canh Liên	5		b	XM-SL	567,274	1,501,271	
Canh Liên	5		b	XMN	567,425	1,501,219	
Canh Liên	5		b	XM-AH	567,310	1,501,035	
Canh Liên	7		e	XM-SL	565,149	1,500,562	
Canh Liên	7		h	XM-SL	565,158	1,500,369	
Canh Liên	7		h	XMN-IAH	565,248	1,500,109	
Canh Liên	8		a	XM-SL	566,889	1,500,681	
Ghi chú	XM-SL		Xói mòn – Sạt lở				
	XMN		Xói mòn nhẹ				
	XMN-IAH		Xói mòn nhẹ - ít ảnh hưởng				

2. Biện pháp khắc phục, hạn chế xói mòn

2.1. Các định nghĩa

Định nghĩa xói mòn đất: Là quá trình làm mất lớp đất trên bề mặt và phá hủy các tầng đất bên dưới do tác dụng của nước mưa hoặc gió. Đối với sản xuất nông lâm nghiệp thì nước và gió là hai quá trình quan trọng nhất gây ra xói mòn và các tác nhân này có mức độ ảnh hưởng tăng giảm khác nhau theo các hoạt động của con người đối với đất đai.

Định nghĩa sạt lở: là hiện tượng đất bị sạt, trượt, lở do tác động của mưa, lũ hoặc dòng chảy.

2.2. Các kiểu xói mòn, sạt lở

- + Xói mòn do nước gây ra do tác động của nước chảy tràn trên bề mặt (nước mưa)
- + Tác động gồm các tác động và đập phá vỡ, làm tách rời các hạt đất và sau đó vận chuyển các hạt đất bị phá hủy theo các dòng chảy tràn trên bề mặt đất
- + Dòng chảy của nước có thể tạo ra rãnh xói

2.3. Nguyên nhân xói mòn, sạt lở

Mưa: là một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến xói mòn đất, sạt lở. Giọt mưa công phá đất trực tiếp gây ra xói mòn, giọt mưa càng lớn sức công phá càng mạnh.

Địa hình: độ dốc càng lớn thì độ xói mòn càng mạnh và lở càng nhanh. Cường độ xói mòn còn phụ thuộc vào chiều dài dốc, dốc càng dài khối lượng nước chảy, tốc độ dòng chảy, lực quán tính càng tăng, xói mòn càng mạnh.

Do các hoạt động sản xuất và quản lý của con người. Khai thác rừng không hợp lý

2.4. Kết quả khắc phục xói mòn năm 2022

Đối với các điểm xói mòn sạt lở sẽ thực hiện khắc phục trong năm 2022 và thực hiện sau mùa mưa. Còn đối với các điểm sạt lở xói mòn ít ảnh hưởng sẽ theo dõi, tiến hành khắc phục trong năm 2023 và cập nhật bản đồ hiện trạng xói mòn, sạt lở hàng năm.

KẾT QUẢ KHẮC PHỤC XÓI MÒN NĂM 2022						
Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Tình trạng xói mòn trong lô	Vị trí	
					Tọa độ (VN 2000)	
					X	Y
Canh Liên	372	4	a	XM-SL	565.080	1.503.286
Canh Liên		4	a	XM-SL	565.135	1.503.393
Canh Liên		4	a	XMN	565.149	1.503.696

Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Tình trạng xói mòn trong lô	Vị trí		
					Tọa độ (VN 2000)		
					X	Y	
Canh Liên	372	5	c	XM-SL	568.106	1.501.275	
Canh Liên		6	b	XM-SL	565.292	1.502.803	
Canh Liên		6	b	XMN	565.074	1.502.911	
Canh Liên	373	7a	a	XM-IAH	573.999	1.499.457	
Canh Liên		7a	a	XM-IAH	574.002	1.499.457	
Canh Liên		7a	a	XM-IAH	574.086	1.499.687	
Canh Liên		7	a	XMN-IAH	574.392	1.499.824	
Canh Liên		7	b	XM-SL	574.319	1.500.000	
Canh Liên		7	b	XM-SL	574.195	1.499.803	
Canh Liên		7	b	XMN-IAH	574.317	1.499.719	
Canh Liên		7	c	XM-SL	574.433	1.499.439	
Canh Liên		7	c	XM-SL	574.426	1.499.286	
Canh Liên		7	d	XMN-IAH	574.285	1.499.613	
Canh Liên		7	d	XM-SL	574.175	1.499.570	
Canh Liên		7	d	XM-SL	574.104	1.499.460	
Canh Liên		7	f	XMN	574.285	1.499.394	
Ghi chú		XM-SL	Xói mòn – Sạt lở				
		XMN	Xói mòn nhẹ				
	XMN-IAH	Xói mòn nhẹ - ít ảnh hưởng					

2.5. Kế hoạch khắc phục xói mòn năm 2023

Là những biện pháp làm giảm các dòng chảy của nước mưa bằng cách tăng bề mặt giữ nước hoặc làm tăng sức thấm nước vào đất bao gồm các phương pháp sau:

- Trồng rừng theo đường đồng mức giảm thiểu xói mòn.
- Đào nhiều rãnh nhỏ để giảm tốc độ dòng chảy và giảm lượng nước chảy tại những rãnh, khe đã bị xảy ra hiện tượng xói mòn.
- Tiến hành làm hàng rào để hạn chế xói mòn, tránh rửa trôi đất và cát xuống suối (đã tiến hành làm ở khoảnh 7a, tiểu khu 373, thuộc khu vực Kà Te).

- Trên các đỉnh đồi, núi, sườn dốc đứng phải trồng rừng bổ xung và bảo vệ rừng tái sinh. Các diện tích rừng bảo vệ này có tác dụng chống xói mòn, ngăn chặn dòng chảy và giữ ẩm cho đất đồng thời còn hạn chế các xói mòn gây ra do gió.

- Duy tu, bảo dưỡng đường vận xuất, vận chuyển theo quy trình nhằm giảm thiểu tác động của quá trình vận chuyển, vận xuất gây ra xói mòn.

- Thực hiện theo quy trình khai thác tác động thấp trong suốt quá trình khai thác sẽ hạn chế được khả năng xói mòn do hoạt động này gây ra.

- Sau khi khai thác tận dụng cành nhánh, vỏ cây băm nhỏ rải lên đường vận xuất và mặt đất rừng hạn chế xói mòn xảy ra.

Trong năm 2022 các vị trí lô xói mòn của công ty đã được khắc phục do trong quá trình khai thác tu sửa lại đường ủi, với xói mòn trong lô cây trồng đã lớn do vậy các hiện tượng xói mòn trong lô đã được cải thiện.

Tiếp tục theo dõi, giám sát các vị trí có thể bị xói mòn để có biện pháp giảm thiểu nhằm không gây tác động tiêu cực đến môi trường đất.

Trên đây là kế hoạch bảo vệ hành lang ven suối, khu vực khoanh nuôi và giảm thiểu xói mòn của Công ty. /.

Nơi nhận:

- Các trạm QLBR;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Ban FSC;
- Chủ tịch Công ty (thay b/cáo);
- Ban Giám đốc Công ty (thay b/cáo);
- Lưu VT, QLTVTNR.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

VN xác định các điểm vị trí có nguy cơ sạt lở, sạt lở tại khu vực Trạm QL BVK Hà Nội quản lý.

Hôm nay, vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 29 tháng 4 năm 2023
Tại Trạm QL BVK Hà Nội chúng tôi gồm có:

I Thành phần tham gia

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| - Ông: Lê Thanh Tùng | - NV. Phòng QL BVTR |
| - Ông: Huỳnh Công Toán | - NV. Phòng KT-TH |
| - Ông: Hoàng Học Điền | - TT. Trạm QL BVK Hà Nội |

II Nội dung kiểm tra

Chúng tôi tiến hành kiểm tra hiện trường diện tích rừng trồng giao Trạm QL BVK Hà Nội quản lý và xác định một số điểm vị trí có nguy cơ sạt lở, sạt lở. Tiến hành bấm điểm bằng máy định vị GPS cầm tay. Xác định các điểm có vị trí tọa độ VN 2000 như sau:

1. Vị trí số 1:

Khu vực chứa điểm tọa độ $x: 566.683$; $y: 1501.252$, tại lô b khoảnh 4, tiểu khu 372, rừng trồng năm 2014.

2. Vị trí số 2:

Khu vực chứa điểm tọa độ $x: 566.384$; $y: 1500.947$ tại lô b khoảnh 4, tiểu khu 372, rừng trồng năm 2014.

3. Vị trí số 3:

Khu vực chứa điểm tọa độ $x: 566.539$; $y: 1501.226$ tại lô c khoảnh 4 tiểu khu 372, rừng trồng năm 2014.

4. Vị trí số 4:

Khu vực chứa điểm tọa độ: $x: 566.603$; $y: 1500.762$ tại lô a khoảnh 4 tiểu khu 372, rừng trồng năm 2014.

5. Vị trí số 5:

- Khu vực chứa điện tại độ x: 567.274 ; y: 1501.271 tại lô b, khoảng 5, tích khu 372, rừng trồng năm 2014.

6. vị trí số 6

- khu vực chứa điện tại độ x: 567.425 ; y: 1.501.219 tại lô b, khoảng 5 tích khu 372, rừng trồng năm 2014.

7. vị trí số 7.

- khu vực chứa điện tại độ x: 567.310 ; y: 1501.035, tại lô b khoảng 5 tích khu 372, rừng trồng năm 2014.

8. vị trí số 8.

- khu vực chứa điện tại độ x: 565.149 ; y: 1.500.562 tại lô a khoảng 7 tích khu 372, rừng trồng năm 2015.

9. vị trí số 9.

- khu vực chứa điện tại độ x: 565.158 ; y: 1500.369 tại lô b, khoảng 7 tích khu 372, rừng trồng năm 2015.

10. vị trí số 10

- khu vực chứa điện tại độ x: 565.248 ; y: 1500.109 tại lô b khoảng 7 tích khu 372, rừng trồng năm 2015.

11. vị trí số 11

- khu vực chứa điện tại độ x: 566.889 ; y: 1500.681 tại lô a khoảng 8 tích khu 372, rừng trồng năm 2015.

III. kết luận

Trên đây là một số vị trí tọa độ khu vực các điểm có nguy cơ bị sụt lún, xói mòn, trong diện tích rừng trồng giữa Trạm QL BUR Hà Nội quản lý.

Nhất nhất xin lãnh đạo Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thành biết và có hướng chỉ đạo tiếp theo.

Biên bản kết thúc công việc được đại cho tất cả thành phần tham gia nghe và thông nhất nội dung trên.

Thành phần tham gia

Tecan

Hưng Công Tecan

Dean

Hưng Học Dean

Người lập biên bản

Zun

Le Thanh Zun

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tộc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

V/v xác định các điểm vị trí có nguy cơ
sạt lở, sụt lún tại khu vực Đạm QL5VR Cab Liên

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 26 tháng 4
năm 2023. Đại Đạm QL5VR Cab Liên chúng tôi gồm
có:

I) Thành phần tham gia:

- Ông Phan Văn Đình - NV. Phó ĐLBVTNR
- Ông Đinh Văn Trang - Trạm phó, Đạm QL5VR Cab Liên,
- Ông Đinh Văn Tâm - NV. Trạm ĐLBVR Cab Liên.

II) Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra trên hiện trường diện tích rừng trồng giao
cho Đạm QL5VR Cab Liên quản lý và xác định các
vị trí có nguy cơ sụt lún và sạt lở năm 2023
như thể sau:

Chúng tôi tiến hành xác định các vị trí có khả năng
sạt lở và sạt lở bằng cách dùng máy định vị GPS
cắm trụ bám điểm để đo theo các vị trí sau:

1) Vị trí số 1:

Khu vực có chướng ngại vật X: 570.187; Y: 1509.509
tại lô a khoảng 1 điều khu 360; rừng trồng năm 2018.

2) Vị trí số 2:

Khu vực có chướng ngại vật X: 570.891; Y: 1510.878
tại lô a khoảng 2 điều khu 361; rừng trồng năm 2017.

3) Vị trí số 3:

Khu vực có chướng ngại vật X: 571.021; Y: 1510.684
tại lô a khoảng 2, điều khu 361; rừng trồng năm 2017

4) Vị trí số 4:

Khu vực có chừa địa đồ x: 570.614; y: 1510.625
Đai lô a, I chơnh 1, địa' I chu 361; rừng đ'ng năm 2017.
5) vị trí số 5:

Khu vực có chừa địa đồ x: 570.624; y: 1510.017
Đai lô a, I chơnh 2 địa' I chu 361. rừng đ'ng năm 2017.
6) vị trí số 6:

Khu vực có chừa địa đồ x: 572.237; y: 1507.390
Đai lô a, I chơnh 3 địa' I chu 361, rừng đ'ng năm 2017.

III.7. Kết luận:

Tên đây là một số vị trí có địa đồ khu vực các
điểm có chừa mảng xat lô, xoi mơn, đ'ng địa' đ'ch
rừng đ'ng giao đ'ng UBND Cab Liên quản lý.

Kính đ'ng các Lãnh đ'ng Công đ'ng TNHH Lâm nghiệp Thủ Thak
biết và hướng chỉ đ'ng đ'ng đ'ng.

Biên đ'ng kết thúc công việc đ'ng đ'ng đ'ng đ'ng
thành phần đ'ng đ'ng đ'ng đ'ng đ'ng đ'ng đ'ng đ'ng.

Thành phần đ'ng đ'ng

Người lập biên đ'ng

Tai

Dinh Văn Tâm

Phan Văn Đình